

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19 -08 -2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Đồng, Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 302/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2022/QĐST-HPT ngày 15/8/2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** La Thị H, sinh năm 1999 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

* **Bị đơn:** Lương Văn N, sinh năm 1996 (Có mặt).

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn H, xã T, huyện L, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2022, những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị La Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Lương Văn N vào năm 2019. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm tháng 3/2020, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Văn N. Do công việc bận chị không đến tham gia phiên tòa được, chị đề nghị Tòa án huyện Lục Ngạn xét xử vụ án ly hôn vắng chị.

Về con chung: Chị và anh Lường Văn N, sinh được một con chung: Lường Bảo L, sinh ngày 26/11/2019. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nam đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Lường Văn N trình bày: Anh và chị La Thị H kết hôn với nhau vào năm 2019, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau, tình cảm ban đầu hạnh phúc. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh xác định không có mâu thuẫn gì lớn là mâu thuẫn nhỏ, do vợ chồng bất đồng nơi ăn chốn ở, chị Hoà muốn anh chuyển về quê ngoại ở Lạng Sơn sinh sống, còn anh không muốn chuyển về Lạng Sơn, chị Hoà về bên ngoại ở từ tháng 1/2020, anh vẫn đi lại hai bên gia đình nội ngoại thường xuyên. Nay chị Hoà xin ly hôn, anh nhất trí.

- Về con chung: Có một con chung: Lường Bảo L, sinh ngày 26/11/2019. Tôi nhất trí để Hòa trông nom, nuôi dưỡng, không giải quyết việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết Nguyên đơn chị La Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chủ tọa phiên tòa đã công bố đơn đề nghị xét xử vắng mặt và lời khai của chị La Thị H.

Bị đơn là anh Lường Văn N có mặt tại phiên tòa nhất trí với ý kiến của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị La Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Lường Văn N có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Thị H cho chị La Thị H được ly hôn anh Lường Văn N.

- Về con chung: Giao cho chị La Thị H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Lường Bảo L, sinh ngày 26/11/2019. Sau khi ly hôn anh Lường Văn N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị La Thị H không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị La Thị H là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Chị La Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Lương Văn N được ly hôn. Bị đơn anh Lương Văn N là người có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Hóa, xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn chị La Thị H: Đã nhận được quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Lương Văn N có mặt tại phiên tòa lần hai.

Do vậy căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục đưa vụ án ra giải quyết theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị H và anh Lương Văn N kết hôn với nhau vào năm 2019, trước khi kết hôn có được tự do, tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị La Thị H trình bày mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn là không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Bị đơn anh Lương Văn N xác định không có mâu thuẫn gì lớn là mâu thuẫn nhỏ, do vợ chồng bất đồng nơi ăn chốn ở, chị Hoà muốn anh chuyển về quê ngoại ở Lạng Sơn sinh sống, còn anh không muốn chuyển về Lạng Sơn, chị Hoà về bên ngoại ở từ tháng 1/2020, anh vẫn đi lại hai bên gia đình nội ngoại thường xuyên. Do chị H cương quyết ly hôn, anh nhất trí.

Hội đồng xét xử xét thấy chị H đã ly thân anh Lương Văn N một thời gian dài, không còn yêu thương quý trọng anh Nam nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được, chị H đề nghị Tòa án xét xử vụ án ly hôn vắng mặt chị. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Thị H để xử cho chị H được ly hôn anh Lương Văn N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 LHNGĐ 2014.

[3.2] Về con chung: Chị La Thị H và anh Lương Văn N sinh được một người con chung là: Lương Bảo L, sinh ngày 26/11/2019. Chị H có nguyện vọng nuôi con, anh Lương Văn N nhất trí.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Ngọc dưới ba tuổi, để đảm bảo cho cháu phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần cần tôn trọng nguyện vọng của anh chị giao cháu Lương Bảo Ngọc cho chị La Thị H trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014

[3.3] Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị La Thị H và anh Lương Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị La Thị H và anh Lương Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị La Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị La Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị La Thị H được ly hôn với anh Lương Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị La Thị H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Lương Bảo L, sinh ngày 26/11/2019. Sau khi ly hôn anh Lương Văn N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị La Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010924 ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Chị La Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã T;
- Công thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu